TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 02-5-2019.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Đào.
2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên toà: Ông Võ Hoàng Hạt - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2018 về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: Số 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh P - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện Gò Quao - Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: Khu phố P2, thị trấn G1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thành N - sinh năm 1967 (có mặt) - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch huyện Gò Quao - Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: Khu phố P1, thị trấn G1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn*: Bà Trương Thị B - sinh năm 1930 (vắng mặt).
Bà Đỗ Thị Th - sinh năm 1952 (có đơn xin vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần K và người đại diện theo ủy quyền lại ông Nguyễn Thành N trình bày: Vào ngày 11/12/2009 bà Trương Thị B có đến Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch huyện Gò Quao thỏa thuận vay số tiền là 450.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số DK0148/HĐTD và ngày giải ngân là 23/12/2009, phương thức cho vay: Từng lần;

Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung sửa nhà và hùng vốn mua phân bón; thời hạn cho vay là 36 tháng; Lãi suất cho vay là 0,874%/tháng và lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Hình thức thanh toán: Lãi vay được trả cuối ký, vốn vay được trả vào ngày đến hạn của hợp đồng.

Đồng thời, bà Trương Thị B có thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy CNQSD đất số A 712792, tổng diện tích là 1.300m^2, thửa 485, tờ bản đồ số 01, tọa lạc Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang để vay số tiền 450.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay Bà B có thanh toán được số tiền vốn gốc là 37.962.000 đồng, hiện nay còn thiếu vốn gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 02/5/2019 là 926.171.050 đồng và hợp đồng tín dụng trên đã quá hạn 10 năm.

Nguyện vọng: Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch huyện Gò Quao yêu cầu bà Trương Thị B phải thanh toán số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 02/5/2019 là 926.171.050 đồng (trong đó vốn gốc là 412.038.000đ và lãi trong hạn là 96.392.444đ, lãi quá hạn là 417.740.606đ) và trả cho Ngân hàng một lần là dứt nợ nếu bà Trương Thị B không thanh toán được nợ trên thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 223.630.471 đồng và bà Đỗ Thị Th thì tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại là ông Nguyễn Thành N xin rút yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi và không yêu cầu bà Đỗ Thị Th cùng trả nợ với Bà B nên yêu cầu Tòa án đình chỉ.

Tại bản tự khai đề ngày 11/10/2019 bị đơn bà Trương Thị B trình bày: Tôi có đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 485, tờ bản đồ số 01, diện tịch là 1.300m^2, tọa lạc Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện Gò Quao cấp giấy CNQSD đất số A 712792 ngày 25/8/1992 nên con tôi (là Đỗ Thức H) lấy giấy chứng nhận QSD đất của tôi đi vay tiền tại Ngân hàng Kiên Long Gò Quao nhưng do H nói đi làm công ty cần có tiền nên tôi mới đồng ý ký tên vào giấy cho H đưa cho tôi ký. Đồng thời, lúc tôi ký tên vào giấy vay tiền do H đưa cho tôi thì tôi không biết đó là giấy vay tiền và cũng không có hỏi H ký tên để làm gì cả nhưng sau này tôi mới biết là H lấy giấy CNQSD đất của tôi trên để vay tiền chứ không có đi làm công ty và khi tôi ký tên cho H để vay tiền năm nào thì tôi không nhớ. Sau khi tôi biết việc H vay tiền tại Ngân hàng K thì Ngân hàng có mời tôi làm việc thì tôi biết số nợ này nhưng tôi không có khả năng trả nợ mà để kéo dài đến nay.

Đối với hợp đồng vay tiền số DK0148/TĐTD, ngày 11/12/2009 mà H vay và tôi có ký tên để vay số tiền 450.000.000 đồng nhưng nay còn nợ lại số tiền là 412.038.000 đồng thì tôi biết số nợ này. Đồng thời, tôi thừa nhận chữ ký tên trong hợp đồng tín dụng số DK0148/HĐTD ngày 11/12/2009 là chữ ký của tôi.

Nguyện vọng: Tôi thừa nhận tôi có ký tên vào trong hợp đồng tín dụng số DK0148/HĐTD ngày 11/12/2009 cho con tôi là H để vay tiền tại Ngân hàng K - Phòng giao dịch Gò Quao là đúng sự thật. Nay Ngân hàng khởi kiện tôi số tiền vốn gốc là

412.038.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng thì tôi thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch huyện Gò Quao số tiền vốn và lãi tạm tính như ngân hàng yêu cầu là đúng nhưng do tôi già cả, tuổi cao và sức khỏe yếu hay bị bệnh nên tôi không có khả năng thanh toán được số tiền trên cho Ngân hàng mà để tôi kiếm H về trả nợ cùng với tôi nếu Ngân hàng không đồng ý thì tôi yêu cầu Tòa án căn cứ vào quy định của pháp để quyết giải vụ án.

Đối với Th con gái tôi thì cũng bị bệnh đau khớp, chân yếu nên đi lại khó khăn và Th không ký tên vào hợp đồng vay tiền này nhưng khi Ngân hàng lên làm việc với tôi thì có yêu cầu Th ký tên là tôi đi không được thì Th đi thay tôi. Hơn nữa, đất thế chấp vay tiền tại Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch huyện Gò Quao là của tôi đứng tên trên giấy CNQSD đất còn Th con tôi không có đứng tên trên giấy CNQSD đất đang thế chấp tại Ngân hàng nên tôi có quyền quyết định tài sản thế chấp.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2019 bà Đỗ Thị Th trình bày: Tôi xác định không có đến Ngân hàng TMCP K để vay tiền gì cả và không ký tên vào hợp đồng tín dụng số DK0148/HĐTD ngày 11/12/2009 mà do H em tôi giả mạo chữ ký cũa tôi. Hơn nữa, giấy CNQSD đất là của mẹ tôi và mẹ tôi đứng tên chứ tôi không có đứng trong giấy cùng với mẹ tôi. Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu tôi và mẹ tôi trả số tiền vốn gốc là 412.038.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng nêu trên thì tôi không có liên quan nên mẹ tôi giải quyết số tiền trên như thế nào thì tùy mẹ tôi.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuận bị xét xử, đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trương Thị B phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 02/5/2019 là 926.171.050 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong khoản vay nếu Bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp.

Đối với số tiền phạt chậm trả và bà Đỗ Thị Th, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn xin rút yêu cầu này nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 223.630.471 đồng và bà Đỗ Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với bà Trương Thị B và bà Đỗ Thị Th là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Đỗ Thị Th là đồng bị đơn đã có đơn xin vắng mặt còn bà Trương Thị B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bà B và bà Th theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Do đó, Hai bên đượng sự thừa nhận bà Trương Thị B có vay của Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch Gò Quao số tiền vốn gốc là 450.000.000 đồng, từ khi vay đến nay, phía Bà B thanh toán được số tiền vốn gốc và lãi là 37.962.000 đồng vào ngày 13/10/2010 nên còn thiếu lại số tiền vốn là 412.038.000 đồng đến nay đã quá hạn mà chưa trả cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo qui định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, cần buộc Bà B phải trả cho Ngân hàng số nợ trên có căn cứ.

Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng đến ngày xét xử là ngày 02/5/2019 thì Bà B còn nợ tiền lãi là 514.133.050 đồng. Việc tính lãi của Ngân hàng là đúng thỏa thuận trong hợp đồng vay và phù hợp với qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc Bà B phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 02/5/2019 là 926.171.050 đồng.

[3] Xét về hợp đồng tín dụng số DK0148/TĐTD, ngày 11/12/2009 và được giải ngân vào ngày 23/12/2013 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng bà Trương Thị B không thực hiện đúng cam kết, từ ngày 23/12/2012 cho đến nay bên vay là bà Trương Thị B đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự buộc bà Trương Thị B phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho ngân hàng là phù hợp. Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DK 0148/HĐTC, ngày 11/12/2009 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với bà Trương Thị B có nêu rõ các điều khoản thi hành và được công chứng chứng thực đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 712792, tổng diện tích là 1.300m^2, thửa 485, tờ bản đồ số 01, tọa lạc Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang, toàn bộ diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị B đứng tên vào ngày 25/8/1992. Vì

vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ là có căn cứ, đúng theo quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu bà Trương Thị B tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016Al của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi của Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền là 223.630.471 đồng và yêu cầu bà Đỗ Thị Th cùng trả nợ với Bà B. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại là ông Nguyễn Thành N xin rút yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi và bà Đỗ Thị Th nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 217, 218, 219 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K.

[5] Tại phiên tòa vị đại Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đối với bị đơn nên lời đề nghị này của vị đại Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ và đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng đã nộp là 22.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008676 ngày 13/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bà Trương Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 926.171.050 đồng, trong đó giá ngạch của 800.000.000 đồng là 36.000.000 đồng + với phần vượt quá của 800.000.000 đồng là (126.171.050 đ x 3%) = 39.785.131,5 đồng làm tròn 39.785.000đ (*ba mươi chín triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và 688 Bộ luật Dân sự; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch Gò Quao đối với bà Trương Thị B.

Buộc bà Trương Thị B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền là 926.171.050đ (chín trăm hai mươi sáu triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn không trăm năm mươi đồng), trong đó vốn gốc là 412.038.000 đồng và lãi tính đến ngày 02/5/2019 là 514.133.050 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Trương Thị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Trương Thị B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Trương Thị B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử lý tài sản thế chấp là đất và quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 712792, tổng diện tích là 1.300m^2, thửa 485, tờ bản đồ số 01, tọa lạc Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang, toàn bộ diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị B đứng tên vào ngày 25/8/1992 để thu hồi toàn bộ số nợ.

Khi bà Trương Thị B trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận QSD đất số A 712792, tổng diện tích là 1.300m^2, thửa 485, tờ bản đồ số 01, tọa lạc Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang cho bà Trương Thị B.

Đình chỉ một phần yêu cầu của khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với tiền phạt chậm trả lãi là 223.630.471 đồng và bà Đỗ Thị Th.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là: 39.785.000đ (ba mươi chín triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng), buộc bà Trương Thị B phải nộp.

Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch Gò Quao được nhận lại 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008676 ngày 13/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 02/5/2019.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Trần Hoài Thanh